

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2020/KDTM-PT
Ngày 23/12/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Kim Khánh

2. Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2020/TB-TLVA ngày 06/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST, ngày 31/7/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐPT-KDTM, ngày 17/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH hạt giống C; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, xã La Ngà, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Công Tr – sinh năm 1978; địa chỉ: Phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH hợp tác Quốc tế G; địa chỉ: Phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D – sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Tân Nam, xã Ea Toh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn D, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Công ty TNHH Hạt Giống C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G (sau đây gọi tắt là Công ty G) có ký kết một số hợp đồng kinh tế để mua bán phân bón NPK các loại, cụ thể như sau:

- Ngày 08/01/2018 ký hợp đồng CPS/BH-DL/04/2018 mua bán phân bón NPK 20-10-12 (đã thanh toán xong) và ngày 15/3/2018 ký hợp đồng số CPS/BH-DL/130/2018 mua bán phân bón NPK 20-10-12. Theo đó Công ty TNHH hạt giống C bán phân bón loại NPK 20-10-12 cho Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G với số tiền hàng hoá của hai hợp đồng trên là 2.079.000.000 đồng, thực hiện được 2.078.505.000 đồng, hiện nay Công ty G mới thanh toán được 1.350.855.000 đồng, còn nợ 727.650.000 đồng. Theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng, hai bên thỏa thuận thanh toán 02 (hai) đợt: đợt 1 là 30% giá trị lô hàng trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận hàng và đợt 2 là 70% giá trị còn lại trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng. Trong trường hợp quá thời hạn thanh toán thì Công ty G phải trả thêm lãi suất 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày).

- Ngày 06/6/2018, hai bên ký hợp đồng số CPS/BH-DL/129/2018 mua bán phân bón NPK 15-7-18 với số tiền hàng là 6.566.000.000 đồng, chỉ thực hiện được 5.674.900.000 đồng, hiện nay Công ty G mới thanh toán được 1.427.150.000 đồng, còn nợ 4.247.750.000 đồng. Theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng này, Công ty G có trách nhiệm thanh toán 02 (hai) đợt: đợt 1 là 30% giá trị trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng và đợt 2 là 70% giá trị còn lại trong vòng 150 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu quá thời hạn thanh toán thì phải trả thêm lãi suất 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày).

- Ngày 03/7/2018 ký hợp đồng số CPS/BH-DL/08/2018 mua bán phân bón NPK 12-6-33 với số tiền 1.540.500.000 đồng, đã thực hiện đúng 1.540.500.000 đồng, hiện nay Công ty G mới thanh toán được 462.150.000 đồng, còn nợ 1.078.350.000 đồng. Tương tự như trên, Điều 3 của hợp đồng này quy định Công Ty G có trách nhiệm thanh toán 02 (hai) đợt: đợt 1 là 30% trong vòng 15 kể từ ngày nhận hàng và đợt 2 là 70% giá trị còn lại trong vòng 150 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu quá thời hạn thanh toán thì phải trả thêm lãi suất 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày).

- Có 2 mặt hàng mua trực tiếp mà không làm hợp đồng, đó là: phân NPK 14-9-21 giá trị 105.000.000 đồng và phân NPK 28-11-9 giá trị 272.500.000 đồng. Sau khi nhận hàng bên Công ty G đã thanh toán xong, nên không yêu cầu.

- Hợp đồng số CPS/BH-DL/161/2018 mua phân URE, giá trị hợp đồng là 1.170.000.000 đồng, chỉ thực hiện được 780.000.000 đồng, hiện nay Công ty G đã thanh toán xong, không còn nợ nên không yêu cầu.

Sau khi ký hợp đồng, thì Công ty TNHH hạt giống C đã giao cho Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G đầy đủ số lượng hàng theo các hợp đồng đã thỏa thuận. Tuy nhiên, về phía Công ty G thì không thực hiện thanh toán cho Công ty C theo đúng thời gian mà hai bên đã thỏa thuận. Cụ thể theo Giấy báo nợ lập ngày 20/6/2019 có xác nhận của Công ty G thì số tiền còn nợ là 6.053.750.000 đồng (sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Công ty C đã nhiều lần yêu cầu thanh toán và Công ty G cũng hứa sẽ thanh toán nhưng đến nay cũng không thực hiện gây khó khăn về tài chính cho Công ty C.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TNHH Hạt Giống C kính đề nghị Tòa Án Nhân Dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xem xét buộc Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Hạt Giống C số tiền nợ gốc và lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất là 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày) tính từ ngày đến bắt đầu quá hạn thanh toán của từng hóa đơn bán hàng cho đến ngày thanh toán xong công nợ và theo đơn kiện, tại phiên tòa sơ thẩm số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2020. Cụ thể như sau:

Tiền nợ gốc (tiền mua hàng) là: 6.053.750.000 đồng (sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

Tổng tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 31/7/2020 là: 2.562.893.639 đồng (chi tiết theo bảng tính tiền lãi đính kèm).

Tổng số tiền Công ty TNHH Hạt Giống C yêu cầu Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G phải thanh toán là: **8.616.643.639 đồng** (tám tỷ sáu trăm mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng). Kể từ ngày xét xử sơ thẩm bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ theo khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:** Trong năm 2018 giữa Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G và Công ty TNHH hạt giống C có ký kết các hợp đồng kinh tế về việc mua các loại phân bón NPK và hiện nay còn nợ tiền hàng với tổng số tiền là 6.053.750.000 đồng theo bảng kê giấy báo nợ chi tiết được xác lập vào ngày 20/6/2019, gồm các hợp đồng cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng số CPS/BH-DL/08/2018 mua phân NPK 12-6-33, còn nợ 1.078.350.000 đồng;

- Hợp đồng số CPS/BH-DL/129/2018 mua phân NPK 15-7-18, còn nợ 4.247.750.000 đồng;

- Hợp đồng số CPS/BH-DL/04/2018 (đã thanh toán xong) và hợp đồng số CPS/BH-DL/130/2018 cùng mua phân NPK 20-10-12, còn nợ 727.650.000 đồng.

Đối với số tiền nợ hàng chưa thanh toán thì Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G đồng ý còn nợ là 6.053.750.000 đồng của Công ty TNHH hạt giống C. Còn đối với thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là 2%/tháng, xét thấy thỏa thuận trên của Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G và Công ty TNHH hạt giống C là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét và căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 bộ luật dân sự 2015 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005 sửa lại phần lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 302; Điều 303; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH hạt giống C.

Buộc Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G trả toàn bộ số tiền nợ hàng và lãi suất chậm trả 02%/tháng cho Công ty TNHH hạt giống C với tổng số tiền là 8.616.643.639 đồng, trong đó số tiền gốc (tiền mua hàng) là: 6.053.750.000 đồng (sáu tỉ không trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 31/7/2020 là: 2.562.893.639 (hai tỉ năm trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/8/2020 Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G phải chịu 116.617.582 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH hạt giống C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí 57.755.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0005215 ngày 08/11/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự.

Ngày 13/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn D nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ phần lãi suất mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng là quá cao, trái quy định của Pháp luật. Do đó, việc kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về lãi suất là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự - Chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn - sửa bản án sơ thẩm về lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn D làm trong hạn luật định, và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp pháp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng thể hiện: Từ năm 2018, giữa Công ty TNHH Hạt Giống C và công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G đã ký kết nhiều hợp đồng mua bán phân bón với nhau. Theo đó, phía bị đơn là công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G còn nợ công ty TNHH Hạt Giống C số nợ gốc là 6.053.750.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G phải thanh toán toàn bộ số tiền

gốc chậm thanh toán và tính lãi suất chậm trả theo quy tại định hợp đồng là 2%/tháng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 2.562.893.639. Tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là 8.616.643.639 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng về số nợ gốc chưa thanh toán là 6.053.750.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện này cùng với việc khởi kiện nguyên đơn đã xuất trình chứng cứ chứng minh là giấy báo nợ lập ngày 20/6/2019 có xác nhận của Công ty G. Phía bị đơn cũng thừa nhận chứng cứ này và thừa nhận số nợ gốc nên Bản án sơ thẩm buộc trả nợ gốc này là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc áp dụng mức lãi suất chậm trả của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên có thỏa thuận trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định của hợp đồng thì bên mua là Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G phải trả thêm 2% lãi suất/tháng. Việc thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mức lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng là quá cao, trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm lại công nhận sự thỏa thuận về lãi suất chậm trả này là thiếu sót. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tính lại mức lãi suất chậm trả đối với bị đơn.

[2.3] Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành xác minh lãi suất chậm trả của 03 Ngân hàng tại địa phương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm là tháng 7 năm 2020), cụ thể:

- Tại Công văn số 238/CV-ĐLA-KT ngày 01/12/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk, Ngân hàng xác định lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh trung, dài hạn đối với khách hàng bán buôn vào thời điểm tháng 7/2020 là 10,8%/năm. Lãi suất quá hạn không được vượt quá 150% lãi suất trong hạn, tức không được vượt quá 16,2%/năm.

- Tại Công văn số 547/TB-CNĐL-PKHDN ngày 02/12/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk, Ngân hàng xác định lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh thông thường trung, dài hạn vào thời điểm tháng 7/2020 là 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn không được vượt quá 150% lãi suất trong hạn, tức không được vượt quá 15,75%/năm.

- Tại Công văn số 2179/NHNo.BĐL-KHNV ngày 30/11/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, Ngân hàng xác định lãi suất cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vào thời điểm tháng 7/2020 tối đa là 10,5%/năm, tức không được vượt quá 15,75%/năm.

Như vậy, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên tại thời điểm thanh toán tối đa là 15,9%/năm, tương đương không được vượt quá 1,325%/tháng.

[3] Căn cứ lãi suất nợ trung bình quá hạn của 03 Ngân hàng nói trên, Hội đồng xét xử tính toán lại số tiền lãi chậm trả mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2020, cụ thể như sau:

[3.1] *Đối với hợp đồng số CPS/BH-DL/130/2018 ngày 15/3/2018 mua bán phân bón NPK 20-10-12 Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G còn nợ 727.650.000 đồng, cụ thể lãi chậm thanh toán như sau:*

[3.1.1] Vào ngày 09/6/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 693.000.000 đồng (theo các hóa đơn số: 1191 ngày 09/6/2018; 1193 ngày 09/6/2018; 1195 ngày 09/6/2018; 1197 ngày 09/6/2018).

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 09/6/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 17/06/2018 với tổng số tiền là: $693.000.000 \text{ đồng} \times 30\% = 207.900.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 17/06/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 775 ngày: $207.900.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 775 \text{ ngày} = 70.893.900 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 09/6/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 08/9/2018 với tổng số tiền là: $693.000.000 \text{ đồng} \times 70\% = 485.100.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 08/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 692 ngày: $485.100.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 692 \text{ ngày} = 147.703.248 \text{ đồng}$.

[3.1.2] Vào ngày 23/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 34.650.000 đồng (theo hóa đơn số: 1374 ngày 23/7/2018)

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 23/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 31/7/2018 với tổng số tiền là: $34.650.000 \text{ đồng} \times 30\% = 10.395.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 31/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 731 ngày: $10.395.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 731 \text{ ngày} = 3.343.447 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 23/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 22/10/2018 với tổng số tiền là: $34.650.000 \text{ đồng} \times 70\% = 24.255.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 22/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 648 ngày: $24.255.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 648 \text{ ngày} = 6.915.585 \text{ đồng}$.

[3.2] Đối với hợp đồng số CPS/BH-DL/129/2018 ngày 06/6/2018 mua bán phân bón NPK 15-7-18 công ty G còn nợ 4.247.750.000 đồng, cụ thể lãi chậm thanh toán như sau:

[3.2.1] Vào ngày 23/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 794.486.000 đồng (theo các hóa đơn số: 1372 ngày 23/7/2018; 1376 ngày 23/7/2018; 1378 ngày 23/7/2018; 1382 ngày 23/7/2018)

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 23/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 08/8/2018 với tổng số tiền là: $794.486.000 \text{ đồng} \times 30\% = 238.345.800 \text{ đồng}$.

Từ ngày 08/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 723 ngày: $238.345.800 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 723 \text{ ngày} = 75.822.566 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 23/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 21/12/2018 với tổng số tiền là: $794.486.000 \text{ đồng} \times 70\% = 556.140.200 \text{ đồng}$.

Từ ngày 21/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 588 ngày: $556.140.200 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 588 \text{ ngày} = 143.884.592 \text{ đồng}$.

[3.2.2] Vào ngày 24/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 518.714.000 đồng (theo các hóa đơn số: 1384 ngày 24/7/2018; 1386 ngày 24/7/2018)

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 24/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 09/8/2018 với tổng số tiền là: $518.714.000 \text{ đồng} \times 30\% = 155.614.200 \text{ đồng}$.

Từ ngày 09/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 722 ngày: $155.614.200 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 722 \text{ ngày} = 49.435.519 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (*thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 24/7/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 22/12/2018 với tổng số tiền là: $518.714.000 \text{ đồng} \times 70\% = 363.099.800 \text{ đồng}$.

Từ ngày 22/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 587 ngày: $363.099.800 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 587 \text{ ngày} = 93.781.416 \text{ đồng}$.

[3.2.3] Vào ngày 30/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 1.313.200.000 đồng (*theo các hóa đơn số: 1396 ngày 30/7/2018; 1398 ngày 30/7/2018; 1400 ngày 30/7/2018; 1402 ngày 30/7/2018; 1404 ngày 30/7/2018*)

+ Đợt 1 (*thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 30/7/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 15/8/2018 với tổng số tiền là: $1.313.200.000 \text{ đồng} \times 30\% = 393.960.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 15/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 716 ngày: $393.960.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 716 \text{ ngày} = 124.113.158 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (*thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 30/7/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 28/12/2018 với tổng số tiền là: $1.313.200.000 \text{ đồng} \times 70\% = 919.240.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 28/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 581 ngày: $919.240.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 581 \text{ ngày} = 234.994.513 \text{ đồng}$.

[3.2.3] Vào ngày 31/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 393.960.000 đồng (*theo hóa đơn số: 1406 ngày 31/7/2018*)

+ Đợt 1 (*thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 31/7/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 16/8/2018 với tổng số tiền là: $393.960.000 \text{ đồng} \times 30\% = 118.188.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 16/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 715 ngày: $118.188.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 715 \text{ ngày} = 37.181.945 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (*thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 31/7/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 29/12/2018 với tổng số tiền là: $393.960.000 \text{ đồng} \times 70\% = 275.772.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 29/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 580 ngày: $275.772.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 580 \text{ ngày} = 70.377.014 \text{ đồng}$.

[3.2.4] Vào ngày 11/8/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 164.150.000 đồng (*theo hóa đơn số: 1426 ngày 11/8/2018*)

+ Đợt 1 (*thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 11/8/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 27/8/2018 với tổng số tiền là: $164.150.000 \text{ đồng} \times 30\% = 49.245.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 27/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 704 ngày: $49.245.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 704 \text{ ngày} = 15.254.131 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (*thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 11/8/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 09/01/2019 với tổng số tiền là: $164.150.000 \text{ đồng} \times 70\% = 114.905.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 09/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 569 ngày: $114.905.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 569 \text{ ngày} = 28.767.615 \text{ đồng}$.

[3.2.5] Vào ngày 15/8/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 500.440.000 đồng (*theo hóa đơn số: 1438 ngày 15/8/2018; 1439 ngày 15/8/2018*)

+ Đợt 1 (*thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 15/8/2018*): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 31/8/2018 với tổng số tiền là: $500.440.000 \text{ đồng} \times 30\% = 150.132.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 31/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 700 ngày: $150.132.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 700 \text{ ngày} = 46.240.656 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 15/8/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 13/01/2019 với tổng số tiền là: $500.440.000 \text{ đồng} \times 70\% = 350.308.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 13/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 565 ngày: $350.308.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 565 \text{ ngày} = 87.086.568 \text{ đồng}$.

[3.2.6] Vào ngày 22/09/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 403.340.000 đồng (theo hóa đơn số: 1522 ngày 22/9/2018; 1523 ngày 22/9/2018).

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 22/9/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 08/10/2018 với tổng số tiền là: $403.340.000 \text{ đồng} \times 30\% = 121.002.000 \text{ đồng}$

Từ ngày 08/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 662 ngày: $121.002.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 662 \text{ ngày} = 35.245.462 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 22/9/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 20/02/2019 với tổng số tiền là: $403.340.000 \text{ đồng} \times 70\% = 282.338.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 13/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 527 ngày: $282.338.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 527 \text{ ngày} = 65.468.535 \text{ đồng}$.

[3.2.7] Vào ngày 26/09/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 159.460.000 đồng (theo hóa đơn số: 1534 ngày 26/9/2018; 1535 ngày 26/9/2018).

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 22/9/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 12/10/2018 với tổng số tiền là: $159.460.000 \text{ đồng} \times 30\% = 47.838.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 12/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 658 ngày: $47.838.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 658 \text{ ngày} = 13.850.057 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 22/9/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt

2 vào ngày 24/02/2019 với tổng số tiền là: $159.460.000 \text{ đồng} \times 70\% = 111.622.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 24/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 523 ngày: $111.622.000 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 523 \text{ ngày} = 25.686.455 \text{ đồng}$.

[3.3] Đối với hợp đồng số CPS/BH-DL/08/2018 ngày 03/7/2018 mua bán phân bón NPK 12-6-33 Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G còn nợ 1.078.350.000 đồng, cụ thể lãi chậm thanh toán như sau:

[3.3.1] Vào ngày 04/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống CP. Việt Nam đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 682.955.000 đồng (theo các hóa đơn số: 1320 ngày 04/7/2018; 1322 ngày 04/7/2018)

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 04/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 20/7/2018 với tổng số tiền là: $682.955.000 \text{ đồng} \times 30\% = 204.886.500 \text{ đồng}$.

Từ ngày 20/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 742 ngày: $204.886.500 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 742 \text{ ngày} = 66.891.344 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 04/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 02/12/2018 với tổng số tiền là: $682.955.000 \text{ đồng} \times 70\% = 478.068.500 \text{ đồng}$.

Từ ngày 02/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 607 ngày: $478.068.500 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 607 \text{ ngày} = 127.682.535 \text{ đồng}$.

[3.3.2] Vào ngày 05/7/2018 Công ty TNHH Hạt Giống C đã chuyển hàng cho Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G với tổng số tiền thanh toán là 395.395.000 đồng (theo các hóa đơn số: 1324 ngày 05/7/2018)

+ Đợt 1 (thanh toán 30% trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 05/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 1 vào ngày 21/7/2018 với tổng số tiền là: $395.395.000 \text{ đồng} \times 30\% = 118.618.500 \text{ đồng}$.

Từ ngày 21/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 741 ngày: $118.618.500 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 741 \text{ ngày} = 38.674.376 \text{ đồng}$.

+ Đợt 2 (thanh toán 70% trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày nhận hàng ngày 05/7/2018): Công ty TNHH Hợp Tác Quốc Tế G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt 2 vào ngày 03/12/2018 với tổng số tiền là: $395.395.000 \text{ đồng} \times 70\% = 276.776.500 \text{ đồng}$.

Từ ngày 03/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2020 với tổng số ngày là 606 ngày: $276.776.500 \text{ đồng} \times 0,044\%/\text{ngày} \times 606 \text{ ngày} = 73.799.686 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm mà bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn là: 1.683.022.323 đồng (một tỉ sáu trăm tám mươi ba triệu, không trăm hai mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST, ngày 31/7/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất chậm trả đối với bị đơn. Buộc Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Hạt Giống C số tiền 7.736.772.323 đồng (trong đó tiền hàng chưa thanh toán là 6.053.750.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.683.022.323 đồng) tính đến thời điểm yêu cầu thanh toán là ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Do đó cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi suất chậm thanh toán là 897.871.316đ

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G phải chịu 115.736.772 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH hạt giống C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 23.194.800đ (làm tròn số), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 57.755.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0005215 ngày 08/11/2019. Công ty TNHH hạt giống C được nhận lại 34.560.200đ.

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Hợp tác Quốc tế G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn D - người đại diện theo hợp pháp của Công ty TNHH hợp tác Quốc tế G - Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 2; Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 302; Điều 303; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn hạt giống C

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hợp tác quốc tế G trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn hạt giống C với tổng số tiền là 7.736.772.323 đồng (Bảy tỉ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 6.053.750.000 đồng (Sáu tỉ không trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 31/7/2020 là 1.683.022.323 đồng (một tỉ sáu trăm tám mươi ba triệu, không trăm hai mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/8/2020, Công ty TNHH Hợp tác quốc tế G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn hạt giống C đối với số tiền lãi là 897.871.316đ.

3. Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hợp tác Quốc tế G phải chịu 115.736.772 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3.2.] Công ty trách nhiệm hữu hạn hạt giống C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 23.194.800đ (làm tròn số), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 57.755.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0005215 ngày 08/11/2019. Công ty TNHH hạt giống C được nhận lại 34.560.200đ.

[3.3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hợp tác Quốc tế G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0012829 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Anh Tuấn